TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 15 – 5 – 2025
"Về việc: tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2024/TLST-DS ngày 29/10/2024, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 13/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1966, nơi cư trú: số C, đường Đ , thôn E, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị S, sinh năm 1956 và ông Trần D, sinh năm 1955; cùng nơi cư trú: số B, đường số A, thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hoàng D1, sinh năm 1963, nơi cư trú: số C, đường Đ , thôn E, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Bà Trần Thị Mỹ H ông Hoàng D1 vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Bùi Thị S và ông Trần D vắng mặt không có ý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và lời khai đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng D1 trình bày thống nhất như sau:

Bà Trần Thị M và H ông Hoàng D1 là vợ chồng; vợ chồng ông D1, bà H không có quan hệ bà con huyết thống gì với bị đơn bà Bùi Thị S, ông Trần D mà chỉ quen biết nhau. Ngày 10/4/2013, vợ chồng bà H, ông D có cho bà S vay 40.000.000đồng; nến ngày 04/9/2013, vợ chồng bà H, ông D tiếp tục cho bà S vay 15.000.000đồng và ngày 21/12/2013, vợ chồng bà H, ông D tiếp tục cho bà S vay 15.000.000đồng. Trong các lần vay tài sản này, các bên đều thỏa thuận trả lải hàng tháng với mức lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Từ khi vay tài sản đến nay, bà S chỉ mới trả cho vợ chồng bà H, ông D 10.000.000đồng tiền lãi và không trả tiền vay gốc. Mặc dù ông Trần D không có tham gia giao dịch vay tài sản; tuy nhiên khoản nợ vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhận của bà Bùi Thị S, ông Trần D; hơn nữa bà S sử dụng tiền vay này vào mục dích đầu tư kinh doanh nhằm phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, hiện nay bà H, ông D yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Trần D, bà Bùi Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà H, ông D 70.000.000đồng tiền vay gốc và không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài bà H, ông D không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

[2] Theo lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Bùi Thị S trình bày:

Bà Bùi Thị S và ông Trần D trước đây là vợ chồng nhưng đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn từ năm 2016; bà S, ông D không có quan hệ bà con huyết thống gì với vợ chồng bà Trần Thị Mỹ H ông Hoàng D1 mà chỉ quen biết nhau. Ngày 10/4/2013, vợ chồng bà H, ông D1 có cho bà S vay 40.000.000đồng; ngày 04/9/2013, vợ chồng bà H, ông D1 tiếp tục cho bà S vay 15.000.000đồng và ngày 21/12/2013, vợ chồng bà H, ông D1 tiếp tục cho bà S vay 15.000.000đồng. Trong các lần vay tài sản này, các bên đều thỏa thuận trả lải hàng tháng với mức lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Sau khi vay tài sản, bà S đã trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận cho đến tháng 09/2014 thì bà S bị bệnh tai biến nên không trả thêm tiền lãi, cũng không trả tiền vay gốc. Ông Trần D không có tham gia, cũng không biết gì về việc vay tài sản giữa bà H và bà S. Bà S sử dụng tiền vay đầu tư mua bán nông sản nhằm phát triển kinh tế gia đình; tuy nhiên bà S không yêu cầu ông Trần D phải có nghĩa vụ liên đới trong việc vay tài sản giữa bà S và bà H, ông Hoàng D1. Hiện nay bà S chấp nhận trả cho bà H 70.000.000đồng tiền vay gốc theo yêu cầu của bà H. Ngoài ra bà S không có yêu cầu nào trong vụ án.

[3] Theo lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Trần D trình bày:

Bà Bùi Thị S và ông Trần D trước đây là vợ chồng nhưng đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn từ năm 2016. Ông Trần D không biết, không có tham gia vào việc vay tài sản giữa bà Bùi Thị S và vợ chồng bà Trần Thị Mỹ H ông Hoàng D1. Ông Trần D không biết bà S sử dụng tiền vay vào việc gì nhưng bà S không có sử dụng tiền vay này vào mục đích chung của vợ chồng. Do đó ông Trần D không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến việc vay tài sản giữa bà S và vợ chồng bà H, ông D; ông Trần D không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án; ông Trần D cũng không có yêu cầu gì trong vụ án. Vì vậy ông Trần D từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 tờ giấy kẽ ô, có chữ viết tay bằng mực màu xanh, hàng trên cùng có nội dung "Ngày 10/4/2013", phía dưới cùng có 01 chữ ký ghi tên Bùi Thị S.

[5]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H: buộc bà Bùi Thị S, ông Trần D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ H, ông Hoàng D1 70.000.000đồng tiền vay gốc; buộc bà Bùi Thị S, ông Trần D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng D1 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Bùi Thị S, ông Trần D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do; đại diện Viện kiểm sát nhân huyện T đề nghị tiếp tục xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H, yêu cầu giải quyết buộc bị đơn phải trả tiền vay gốc phát sinh trong các hợp đồng dân sự vay tài sản mà hai bên đã xác lập vào năm 2013; ngoài ra, vụ án không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Đối với yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ H về việc giải quyết buộc bà Bùi Thị S, ông Trần D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ H, ông Hoàng D1 70.000.000đồng

tiền vay gốc, phát sinh trong các hợp đồng dân sự vay tài sản mà hai bên đã xác lập vào năm 2013. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1.1]. Bà Bùi Thị S và bà Trần Thị Mỹ H, ông Hoàng D1 đều thừa nhận: Ngày 10/4/2013, vợ chồng bà H, ông D1 có cho bà S vay 40.000.000đồng; ngày 04/9/2013, vợ chồng bà H, ông D1 tiếp tục cho bà S vay 15.000.000đồng và ngày 21/12/2013, vợ chồng bà H, ông D1 tiếp tục cho bà S vay 15.000.000đồng; trong các lần vay tài sản này, các bên đều thỏa thuận trả lải hàng tháng với mức lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay; đến nay bà S còn nợ bà H, ông D1 70.000.000đồng tiền vay gốc chưa thanh toán. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy có đủ căn cứ xác định được: bà Bùi Thị S và bà Trần Thị Mỹ H, ông Hoàng D1 đã xác lập, thực hiện các hợp đồng vay tài sản nêu trên và hiện nay bà S còn nợ bà H, ông D1 70.000.000đồng tiền vay gốc phát sinh trong các hợp đồng vay tài sản này.

[3.1.2]. Khoản nợ vay 70.000.000đồng nêu trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông Trần D và bà Bùi Thị S. Bà Bùi Thị S sử dụng tiền vay này để đầu tư buôn bán nhằm phát triển kinh tế gia đình là sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng. Do đó khoản nợ vay 70.000.000đồng này là nợ chung của ông Trần D, bà Bùi Thị S.

[3.1.3]. Vì vậy, yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ H về việc trả tiền vay gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Theo đó cần xử buộc bà Bùi Thị S, ông Trần D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ H, ông Hoàng D1 70.000.000đồng tiền vay gốc.

[3.2]. Về tiền lãi: Các đương sự không yêu cầu trả tiền lải nên Hội đồng xét xử không giải quyết, xét xử.

[4]. Về án phí: Mặc dù bị đơn bà Bùi Thị S, ông Trần D hiện nay đều đã trên 60 tuổi, thuộc người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi. Tuy nhiên bà Bùi Thị S, ông Trần D không có đơn đề nghị miễn án phí nên bà S, ông D không được xem xét cho miễn án phí. Vì vậy cần căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: buộc bà Bùi Thị S, ông Trần D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án; trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Trần Thị Mỹ H.

[4] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh về việc miễn án phí cho bà Bùi Thị S, ông Trần D là không có căn cứ. Các ý kiến khác của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 357, 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H: buộc bà Bùi Thị S, ông Trần D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Mỹ H, ông Hoàng D1 số tiền vay gốc là 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng).

[2] Về án phí:

Buộc bà Bùi Thị S, ông Trần D có nghĩa vụ liên đới nộp 3.500.000đồng *(Ba triệu năm trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Trần Thị Mỹ H 1.750.000đồng *(Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006313, ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

[3] Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự trong vụ án đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết *(Đã giải thích quyền kháng cáo)*.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Tánh Linh – Bình Thuận;
- CC THADS H.Tánh Linh – Bình Thuận;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Khánh